

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày: 22-4-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thúy Kiên**.
2. Ông **Nguyễn Văn Đông**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2022/QĐST-DS ngày 15/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Bích L**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu vực T, phường K, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 345, khu vực T, phường K, quận N, thành phố C. (Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2022) Có mặt

- Bị đơn:

1. Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1977 (Có mặt)
2. Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực Q, phường H, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2022 của nguyên đơn bà Dương Thị Bích L, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Ngọc T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 05/02/2018 âm lịch (nhằm ngày 21/3/2018 dương lịch) bà Dương Thị Bích L có cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc V, bà Phạm Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn; Lãi suất 1,5%/tháng (trả lãi hàng tháng); vay không thời hạn. Việc thỏa thuận vay có lập biên nhận tiền ngày 05/02/2018 âm lịch. Sau khi vay tiền vợ chồng bà T chỉ đóng lãi cho bà L 05 tháng với số tiền là 7.500.000 đồng thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày bị đơn đóng lãi từ ngày 05/02/2018 âm lịch đến ngày 05/7/2018 âm lịch là để cộng dồn cho dễ tính nhưng đúng là bị đơn đóng lãi từ ngày 05/02/2018 âm lịch đến ngày 05/05/2018 âm lịch, sau đó bà T ra tù có trả lãi thêm cho bà L số tiền 3.000.000 đồng. Đến tháng 01/2021 bà L nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T trả nợ gốc, lãi nhưng bị đơn luôn viện dẫn lý do hứa hẹn lần lựa cuối cùng bà T thách thức bà L khởi kiện. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà T có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc, lãi đã vay nhưng sau đó nguyên đơn có thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tính tròn là 44 tháng (từ ngày 21/3/2018 đến ngày 22/4/2022 là 49 tháng – 05 tháng trả lãi), với lãi suất là 0,8%/tháng, cụ thể: 800.000 đồng/tháng x 44 tháng = 35.200.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà thừa nhận ngày 05/02/2018 (âm lịch) có vay của bà Dương Thị Bích L số tiền 100.000.000 đồng để có vốn làm hụi, nhưng lãi suất là 5%/tháng (trả lãi hàng tháng); vay không thời hạn, khi nào có tiền thì trả. Sau khi vay bà đã trả lãi cho nguyên đơn đầy đủ cho đến tháng 03/2020 âm lịch (việc trả lãi không có giấy tờ chứng minh), do đến ngày 17/4/2020 bà bị bắt về tội đánh bạc cho đến tháng 09/2021 mới chấp hành xong án phạt tù. Sau khi ra tù bà đã cố gắng làm ăn để trả nợ cho bà L và đến ngày 29/12/2021 (âm lịch) bà có trả thêm cho bà L 3.000.000 đồng tiền lãi, bà L có nhận tiền nhưng do ít hơn thỏa thuận nên bà L cho người đến nhà bà quây phá và bà L khởi kiện. Ngoài ra, bà xác định có ký tên trong biên nhận tiền do bà L cung cấp, còn ông V không có vay và không có ký tên trong biên nhận nợ. Nay bà đồng ý trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ, còn nợ lãi thì yêu cầu trả từ ngày 17/4/2020 cho đến nay với lãi suất 0,8%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Xét nguyên đơn bà Dương Thị Bích L yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi suất là 35.200.000 đồng. Do vậy xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung:* Xét nguyên đơn, bị đơn thống nhất vào ngày 05/02/2018 âm lịch (nhằm ngày 21/3/2018 dương lịch), bà Phạm Thị T có vay bà Dương Thị Bích L số tiền 100.000.000 đồng; hợp đồng vay không kỳ hạn và bị đơn bà T đồng ý trả số tiền vay nợ gốc 100.000.000 đồng cho bà L nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Do vậy căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, xét việc bà L yêu cầu bà T có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay vốn gốc là 100.000.000 đồng là có cơ sở. Việc bị đơn yêu cầu trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý, vì thế vấn đề này sẽ giải quyết tại giai đoạn thi hành án theo quy định.

[4] *Về lãi suất vay,* nguyên đơn cho rằng vay với lãi suất 1,5%/tháng và sau khi vay bà T chỉ trả tổng cộng được 05 tháng tiền lãi; còn bị đơn cho rằng lãi suất vay 5%/tháng và đã thanh toán lãi từ ngày vay đến tháng 03/2020 âm lịch, cộng thêm 3.000.000 đồng vào ngày 29/12/2021 âm lịch. Xét biên nhận tiền ngày 05/02/2018 âm lịch (bút lục 06) được các bên thống nhất không ghi thỏa thuận cụ thể về lãi suất vay. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 0,8%/tháng xét thấy phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Đối với thời gian tính lãi, xét bị đơn thừa nhận vay tiền vào ngày 21/3/2018 và đến nay chưa trả nợ gốc, việc bị đơn cho rằng đã thanh toán lãi cho nguyên đơn từ ngày vay đến tháng 03/2020 âm lịch nhưng không có chứng cứ chứng minh. Theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”. Do vậy, căn cứ Điều 469 Bộ luật dân sự xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về thời gian trả lãi vay.

[5] Do nguyên đơn rút yêu cầu đối với ông bị đơn ông Nguyễn Quốc V nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét trách nhiệm của ông V.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

*** Tuyên án:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Bích L số tiền gồm: nợ gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và nợ lãi 35.200.000đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền bà T phải thanh toán cho bà L là 135.200.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí sơ thẩm:** Bà Phạm Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.760.000đ (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà Dương Thị Bích L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.075.000đ (Bốn triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0004228 ngày 23/02/2022.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Kim Hưng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Nguyễn Văn Đông Thái Ánh
Trình Hoàng Thị Kim Hưng**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thúy Kiên Nguyễn Văn Đông Hoàng Thị Kim Hưng